

Số: /KL-SLĐTBXH

Kon Tum, ngày tháng 9 năm 2020

KẾT LUẬN

Về việc thực hiện xác lập, quản lý hồ sơ đối tượng người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm chất độc hóa học và con đẻ của họ tại Phòng Người có công của Sở - Quản lý, tiếp nhận hồ sơ và đối tượng, lập thủ tục cho đối tượng BTXH vào trung tâm; Các chế độ, chính sách quản lý, phục vụ, nuôi dưỡng điều dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ và công tác xã hội tỉnh Kon Tum

Căn cứ công văn số 70/TTr-P1 ngày 03/02/2020 của Thanh tra tỉnh về việc sắp xếp kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 298/QĐ-SLĐTBXH, ngày 12/5/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Quyết định Thanh tra việc thực hiện xác lập, quản lý hồ sơ đối tượng người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm chất độc hóa học và con đẻ của họ tại Phòng Người có công của Sở - Quản lý, tiếp nhận hồ sơ và đối tượng, lập thủ tục cho đối tượng BTXH vào trung tâm; Các chế độ, chính sách quản lý, phục vụ, nuôi dưỡng điều dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh Kon Tum;

Đoàn thanh tra Công bố Quyết định thanh tra ngày 18/5/2020 và tiến hành thanh tra tại Phòng Người có công thuộc sở từ ngày 19/5/2020 đến ngày 25/5/2020 Tại Trung tâm Bảo trợ và công tác xã hội từ ngày 06/7/2020 đến ngày 24/7/2020 theo nội dung đề cương thanh tra;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 01/BC-TTr, ngày 03/6/2020 và Báo cáo số 02/BC-TTr ngày 24/8/2020 của Trưởng Đoàn thanh tra.

GIÁM ĐỐC SỞ KẾT LUẬN NHƯ SAU:

PHẦN A: CÔNG TÁC XÁC LẬP, QUẢN LÝ HỒ SƠ ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÁNG CHIẾN BỊ PHƠI NHIỄM CHẤT ĐỘC HÓA HỌC VÀ CON ĐẸ CỦA HỌ TẠI PHÒNG NGƯỜI CÓ CÔNG THUỘC SỞ

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG:

1. Cơ cấu tổ chức, tình hình biên chế tại Phòng:

Phòng Người có công có: 01 Trưởng phòng, 01 phó phòng và 03 công chức phụ trách từng lĩnh vực theo sự phân công của Phòng.

2. Chức năng nhiệm vụ:

Phòng Người có công, là phòng chuyên môn thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng quản lý về lĩnh vực Người có công với cách mạng

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA:

1. Công tác tiếp nhận, xét duyệt, xác nhận hồ sơ đối tượng:

- Tổng số người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và con đẻ của họ đã giải quyết chế độ trợ cấp là: 1.142 trường hợp (*tính đến thời điểm ngày 18/5/2020*) trong đó:

- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đã giải quyết chế độ hưởng trợ cấp hàng tháng là **857** trường hợp cụ thể: **171** trường hợp từ trần; 25 trường hợp chuyển đi các tỉnh; **661** trường hợp đang hưởng trợ cấp hàng tháng mức hưởng như sau:

- + Suy giảm khả năng lao động từ 21% - 40%: 67 người.
- + Suy giảm khả năng lao động từ 41% - 60%: 530 người.
- + Suy giảm khả năng lao động từ 61% - 80%: **56** người.
- + Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên: 8 người.

- Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đã giải quyết chế độ hưởng trợ cấp hàng tháng là: **285** trường hợp, trong đó: 32 trường hợp từ trần; 07 trường hợp chuyển đi các tỉnh; 246 trường hợp đang hưởng trợ cấp hàng tháng. Cụ thể từng mức như sau:

- + Suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%: **217** trường hợp.
- + Suy giảm khả năng lao động 81% trở lên: **29** trường hợp.

2. Công tác Quản lý đối tượng về việc tiếp nhận và xác lập hồ sơ từ ngày 24/6/2016 đến thời điểm thanh tra.

- Văn bản thực hiện giai đoạn thực hiện chính sách từ 2000 -2005:

+ Quyết định số 26/2000/QĐ-TTg ngày 23/02/2000 về một số chế độ đối với người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam.

+ Thông tư liên tịch số 17/2000/TTLT/BLĐTBXH-BTC, ngày 05/7/2000 và Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT/BLĐTBXH-BYT.

+ Quyết định số 120/2004/QĐ-TTg ngày 05/7/2004

+ Thông tư liên tịch số 14/2004/TTLT/BLĐTBXH-BYT-BTC ngày 08/11/2004

- Tổng số hồ sơ kiểm tra 45 hồ sơ

Trong đó: 37 hồ sơ người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (*Đối tượng trực tiếp*); 08 hồ sơ con đẻ của người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (*Đối tượng gián tiếp*).

III. NHẬN XÉT, KẾT LUẬN:

1. Ưu điểm.

- Phòng Người có công luôn thực hiện tốt công tác tham mưu, phối hợp giữa ngành Lao động-TB&XH và các cơ quan liên quan (Quân sự, Y tế....) tại địa

phương trong việc tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ; Thời gian qua đã tiếp nhận thẩm định, xét duyệt hồ sơ Người tham gia hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và con đẻ của họ theo đúng quy trình từ các phòng Lao động - TBXH huyện, thành phố chuyển về và Trung tâm hành chính công tỉnh, Phòng đã tiếp nhận và thẩm định chuyển Hội đồng Giám định y khoa để giám định theo quy định hiện hành.

- Đã tham mưu phối hợp giữa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội với Sở Y tế, Hội đồng giám định y khoa tỉnh Kon Tum trong việc chỉ đạo và tổ chức khám giám định các loại bệnh, tật liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học; Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ tham mưu Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối với Sở Y tế, Hội đồng giám định y khoa tỉnh trong việc chỉ đạo và tổ chức khám giám định các loại bệnh, tật liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học đạt tỷ lệ 65%;

- Thực hiện công tác xác lập hồ sơ cho đối tượng chính sách người có công theo các văn bản hướng dẫn hiện hành; đơn vị theo dõi tình hình tăng giảm của đối tượng quản lý.

- Đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, rà soát việc thực hiện chính sách ở cơ sở nhằm tăng cường vai trò giám sát cũng như giải quyết các chế độ chính sách mới đối với Người có công với cách mạng tại địa phương.

2. Tồn tại:

- Vẫn còn một số tồn tại thiếu sót, hồ sơ sát lập còn đảo ngày với tháng, bản trích lục hồ sơ không ghi số giấy chứng nhận; Qua kiểm tra công chức phòng đã thấy rõ việc thiếu sót từ đó đã tiến hành rà soát, điều chỉnh hồ sơ theo đúng và thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định (*có báo cáo kèm theo*)

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT XỬ LÝ:

- Phát huy tốt các mặt đã làm được; khắc phục những thiếu sót trong quá trình xác lập hồ sơ, nhằm thuận tiện trong việc quản lý tra cứu rà soát hồ sơ khi cần thiết.

- Đề xuất xử lý: không

PHẦN B: QUẢN LÝ, TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ ĐỐI TƯỢNG. LẬP THỦ TỤC CHO ĐỐI TƯỢNG BTXH VÀO TRUNG TÂM; CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, PHỤC VỤ NUÔI DƯỠNG TẠI TRUNG TÂM BẢO TRỢ VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TỈNH KON TUM.

I. Đặc điểm chung:

1. Cơ cấu tổ chức, tình hình biên chế tại Trung tâm:

Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội được xếp hạng I theo tiêu chí toàn quốc Cơ cấu tổ chức bộ máy (theo Quyết định số 577/QĐ-UBND, ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh Kon Tum) cụ thể: Lãnh đạo Trung tâm 02 người Giám đốc và 01 Phó Giám đốc;

- Có 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Phòng Hành chính – Tổng hợp; Phòng Chăm sóc khẩn cấp và dài hạn (kiêm điều dưỡng người có công); Phòng Y

tế - Phục hồi chức năng; Phòng Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng (nhưng chưa thành lập phòng).

- Chỉ tiêu biên chế được giao: Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu biên chế để thực hiện các nhiệm vụ là 37 biên chế sự nghiệp theo Quyết định số:03/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh và 11 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của chính phủ tại Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của UBND tỉnh Kon Tum

Hiện nay, tổng số viên chức và người lao động có mặt tại thời điểm báo cáo: 48 người (nam: 08 người, nữ 40 người) trong đó có 16 viên chức, 11 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ và 21 hợp đồng thực hiện nhiệm vụ chưa qua tuyển dụng (trong 37 chỉ tiêu biên chế sự nghiệp được UBND tỉnh giao).

- Trình độ chuyên môn: Trên đại học: 01 người; Đại học: 16 người; Cao đẳng: 01 người; Trung cấp: 26 người; Sơ cấp: 04 người.

2. Chức năng nhiệm vụ:

Là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động -Thương binh và Xã hội; được Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức kiện toàn lại trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Công tác xã hội thành phố Kon Tum theo Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, tài sản, tài chính và các nhiệm vụ khác; nhằm cung cấp, kết nối, hỗ trợ các dịch vụ công tác xã hội với quy mô toàn tỉnh; trợ giúp các đối tượng xã hội, đặc biệt là đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, đối tượng có nhu cầu được trợ giúp, can thiệp, theo dõi, phòng ngừa để thoát khỏi hoàn cảnh đặc biệt góp phần thực hiện tốt công tác an sinh xã hội của Tỉnh.

Chức năng: Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội thực hiện các chức năng chính theo quy định, cụ thể: Phòng ngừa; hỗ trợ (bao gồm cả hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng thường xuyên và khẩn cấp); phục hồi; phát triển cho các đối tượng theo quy định.

Nhiệm vụ và quyền hạn: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội và các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội giao.

II. KẾT QUẢ, KIỂM TRA:

1. Tình hình thực hiện quản lý đối tượng tại Trung tâm:

Tổng số đối tượng đến thời điểm thanh tra là 157 đối tượng, trong đó đối tượng nam giới 68, nữ giới 89. Số đối tượng trở về địa phương là 28; đối tượng chết do già yếu 03 và 01 đối tượng tâm thần chuyển sang Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Lắk để điều trị, chăm sóc.

2. Tình hình thực hiện dự toán các nguồn kinh phí trong năm 2019

2.1. Nguồn kinh phí giao thực hiện tự chủ:

- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 3.981.663.000 đồng

- + Kinh phí năm trước chuyển sang tiếp tục sử dụng: 121.663.000 đồng
- + Ngân sách cấp trong năm: 3.860.000.000 đồng
- Kinh phí đã sử dụng trong năm: 3.860.000.000 đồng

2.2. Nguồn kinh phí giao không tự chủ:

- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 6.264.000.000 đồng
- + Kinh phí năm trước chuyển sang tiếp tục sử dụng: 0 đồng
- + Ngân sách cấp trong năm: 6.264.000.000 đồng
- Kinh phí đã sử dụng trong năm: 6.017.663.543 đồng
- Hủy dự toán: 246.336.457 đồng

2.3. Nguồn kinh phí vận động:

- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 2.315.577.574 đồng
- + Kinh phí năm trước chuyển sang tiếp tục sử dụng: 1.146.467.817 đồng
- + Thu các nguồn vận động trong năm: 1.169.109.757 đồng (Trong đó nguồn dự án KINDERHILFE Bà Đức hỗ trợ nuôi trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật 421.130.000đ; Nguồn dự án UNICEF, mô hình bán trú chăm sóc ban ngày trẻ khuyết tật và công tác xã hội 368.603.657 đồng; Nguồn thu gạo Công ty Cao su và Công ty Cp Tân Phát... 379.376.100 đồng)
- Kinh phí đã sử dụng trong năm: 858.592.957 đồng
- Kinh phí tồn chuyển sang năm sau: 1.456.984.617 đồng

III. NHẬN XÉT KẾT LUẬN:

1. Ưu điểm.

1.1. Công tác xác lập hồ sơ quản lý đối tượng:

- Thực hiện tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc nuôi dưỡng đảm bảo theo quy định tại Nghị định 136/2013/NĐ-CP; thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cơ bản đảm bảo theo qui định tại Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có mở sổ theo dõi, quản lý đối tượng, sổ theo dõi đã cập nhật đầy đủ thông tin về thời điểm ra, vào, dừng nuôi dưỡng của đối tượng...

- Đội ngũ VC, NLĐ tâm huyết với nghề nghiệp, đồng cảm, chia sẻ, trách nhiệm với đối tượng nuôi dưỡng, duy trì tốt việc nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng, đảm bảo các quyền cơ bản cho đối tượng như: ăn, ở, học tập, chăm sóc y tế, thể dục thể thao - văn hóa, văn nghệ và các hoạt động phát triển kỹ năng, năng khiếu, sinh hoạt cộng đồng... góp phần làm tốt công tác chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Định mức chi tại Trung tâm thực hiện đúng theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng BTXH.

- Việc tiếp nhận đối tượng vào Trung tâm, bàn giao đối tượng về địa phương đã theo đúng hướng dẫn tại các văn bản hiện hành; Công tác chăm sóc, thực hiện chế độ, chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng đảm bảo đúng quy định.

1.2. Công tác quản lý các nguồn kinh phí:

- Đơn vị đã xây dựng Quy chế làm việc, Quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan theo thực tế của đơn vị và văn bản hướng dẫn quy định, chấp hành theo luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn khác về chính sách, chế độ tài chính có liên quan.

- Trong năm 2019 đơn vị đã thực hiện tiết kiệm nguồn chi hoạt động thường xuyên để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ viên chức trong cơ quan với số tiền là **162.610.537 đồng**;

- Qua kiểm tra những nội dung được chọn mẫu được kiểm tra hầu hết đều có chứng từ, hóa đơn theo quy định đảm bảo thanh toán theo quy định;

- Kế toán lưu trữ chứng từ theo trình tự thời gian phát sinh, gọn gàng; Chứng từ sắp xếp theo trình tự thời gian phát sinh, được đóng thành tập theo từng quý, trên chứng từ đều có chữ ký phê duyệt của Thủ trưởng đơn vị, kế toán, thủ quỹ và người nhận tiền. Đơn vị thực hiện công tác kế toán trên phần mềm kế toán cho đơn vị hành chính và đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2019.

- Đơn vị đã mở sổ theo dõi chứng từ kế toán đầy đủ, Sổ quỹ tiền mặt hàng quý, năm có đối chiếu giữa thủ quỹ và kế toán. Tài sản mua sắm trong năm có theo dõi trên sổ sách kế toán để thực hiện tính hao mòn cho từng loại tài sản theo quy định.

- Các nguồn thu khác phát sinh tại đơn vị thu nhận trong năm 2019 có xây dựng quy chế chi tiêu nguồn vận động, có chứng từ thu chi đầy đủ và được theo dõi quyết toán rõ ràng đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Quy trình mua sắm Tài sản, vật tư hàng hóa được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 13 tháng 05 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc phân cấp và thẩm định, phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, Tổ chức chính trị- xã hội, Tổ chức xã hội – Nghề nghiệp.

- Đơn vị thực hiện Quyết toán theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

2. Tồn tại hạn chế:

Bên cạnh những việc làm được đã nêu tại mục 1 Phần II vẫn còn các nội dung tồn tại cụ thể:

2.1. Công tác quản lý thực hiện theo dõi chế độ ăn đối tượng:

- Định mức, khẩu phần, chế độ thức ăn của đối tượng chưa được niêm yết, thông báo công khai.

- Hằng ngày Trung tâm mua lẻ thực phẩm tại Trung tâm chợ thành phố Kon Tum (hóa đơn bán lẻ), chưa thực hiện việc ký hợp đồng với các nhà cung ứng lương thực, thực phẩm để đảm bảo nguồn thực phẩm an toàn và thanh quyết toán theo hóa đơn qui định.

2.2. Công tác quản lý các nguồn kinh phí:

a. Kinh phí giao thực hiện tự chủ:

- Trong năm đơn vị chưa thực hiện hết nhiệm vụ theo hướng dẫn tại điểm 4 mục VIII thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày ngày 9 tháng 8 năm 2006 nhưng đã trích lập quỹ chi ốm đau cho công chức viên chức, thân nhân công chức viên chức của đơn vị. Chứng từ xác lập thanh toán còn sơ sài dựa trên giấy lập thanh toán của thủ quỹ cơ quan, không có người trung gian thăm viếng (*các khoản chi thăm hỏi nên đưa vào quy chế hoạt động chi của công đoàn Trung tâm*) cụ thể: Phiếu chi số 137 ngày 29/7/2019: 5.200.000 đồng; Phiếu chi số 146 ngày 15/8/2019 số tiền: 6.000.000 đồng; Phiếu chi số 168 ngày 2/10/2019 số tiền: 6.700.000 đồng

b. Nguồn kinh phí giao thực hiện không tự chủ:

b.1. Việc mua sắm hàng hóa, vật dụng thiết yếu và dịch vụ phục vụ đối tượng; đơn vị đã thực hiện theo quy trình mua sắm văn bản hướng dẫn các cấp. Tuy nhiên vẫn còn xé lẻ hợp đồng, hóa đơn thanh toán trên cùng một nhiệm vụ chi; việc thanh toán quyết toán chưa đúng theo quy định tại khoản b mục 01 điều 01 Quyết định số 18/QĐ-UBND tỉnh ngày 13 tháng 05 năm 2016; Đơn vị mua sắm hàng hóa theo nhu cầu phát sinh thực tế tại thời điểm mua, chưa xây dựng kế hoạch tổng thể đầu năm trang bị cấp phát cho mỗi đối tượng cụ thể:

+ Hợp đồng thuê xe với Hợp tác xã vận tải cơ giới hàng hóa và hành khách Tây Nguyên với cùng một nội dung hợp đồng đưa đón trẻ mồ côi nuôi dưỡng đi học từ Trường tiểu học Quang Trung về Trung tâm và ngược lại cho 24 trẻ (năm học 2018-2019) với tổng số tiền là 100.300.000 đồng;

+ Mua sắm áo quần cho đối tượng trung tâm năm 2019 với tổng số tiền chi trong năm: 170.499.000 đồng

+ Mua sách vở dụng cụ học tập cho các cháu trong năm: 97.531.800 đồng

+ Mua sắm vật dụng thiết yếu vệ sinh phục vụ đối tượng trong năm: 192.939.500 đồng

b.2. Nội dung thanh toán từ nguồn kinh phí được giao không tự chủ chưa đảm bảo mục tiêu nguồn kinh phí được giao, chưa trực tiếp chi cho đối tượng được thụ hưởng.

+ Chi công tác tập huấn nghiệp vụ chăm sóc, học tập kinh nghiệm tại các Trung tâm...: 45.784.000 đồng

+ Chuyển tiền đào lắp đặt thiết bị hệ thống bón tưới cây, cây khuôn viên khu điều dưỡng (Số HĐ 0071616 ngày 20/11/2019, số chứng từ 269) số tiền chi: 18.623.000 đồng

+ Chuyển mua tranh sơn mài trang trí treo các khu nhà người có công (số HĐ 0056195 ngày 20/11/2019): 14.850.000 đồng

+ Chuyển tiền mua chậu cảnh và cây xanh khuôn viên cơ sở 1 khu A (HĐ số 0011488 không kí người mua hàng; chứng từ số 223 ngày 15/10/2019): 55.150.000 đồng

+ Tiền cây cảnh tại khuôn viên cơ sở 1 theo hóa đơn thanh toán số 0002524, chứng từ thanh toán số 135 ngày 21/5/2019: 19.900.000 đồng

b.3. Việc chi hỗ trợ mai táng phí cho 04 đối tượng đối tượng chưa thực hiện theo quy định tại điểm 2 điều 11 công văn số 762/VBHN-BLĐTĐTBXH, ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ Lao động TB&XH về Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội số tiền chi vượt định mức: 28.612.000 đồng

b.4. Thanh toán làm ngoài giờ, thêm giờ còn chi vượt số giờ theo quy định 5.405 giờ, tương ứng số tiền chi vượt thêm giờ: 165.707.530 đồng

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT XỬ LÝ.

1. Đối với Trung tâm Bảo trợ và công tác xã hội

- Đề nghị đơn vị chi phụ cấp trực trưa, trực chiều và đêm cho viên chức người lao động và các nhiệm vụ khác của trung tâm từ các nguồn kinh phí theo đúng văn bản hướng dẫn quy định. Những nội dung không có văn bản hướng dẫn; đơn vị triển khai thực hiện theo thực tế phát sinh nhưng với tinh thần tiết kiệm đúng mục đích sử dụng và hiệu quả nguồn kinh phí quản lý.

- Đầu năm đơn vị cần xây dựng kế hoạch thực hiện việc trang cấp vật dụng nhu cầu thiết yếu phục vụ cho đối tượng để việc hợp đồng mua sắm, hợp đồng dịch vụ được thực hiện đúng kế hoạch và các quy định về công tác tài chính.

- Giảm dự toán kinh phí tự chủ năm 2020 của đơn vị với số tiền **154.307.000 đồng** do chi sai nguồn năm 2019 (*Có phụ lục chi tiết kèm theo*).

- Thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước do thanh toán vượt giờ cho công chức viên chức trung tâm. Số tiền thu hồi: **165.907.530 đồng** (*có danh sách từng cá nhân kèm theo*).

- Nghiêm túc khắc phục những tồn tại, thiếu sót; kiểm điểm trách nhiệm bộ phận kế toán, như đã nêu tại mục 2 phần III nhận xét kết luận.

Kết luận này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ (b/cáo);
- Giám đốc (chỉ đạo);
- Phó giám đốc phụ trách (chỉ đạo);
- Phòng BTXH, KHTC (biết);
- Phòng NCC (t/hiện);
- TTBT&CTXH(T/hiện);
- Lưu hồ sơ TTr (03b).

GIÁM ĐỐC

A Kang